ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học: | THỰC TẬPCHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN CỘNG ĐỒNG |
| * Mã môn học: | 61073082 |
| * Thuộc khối kiến thức/ kỹ năng:   ☐ Kiến thức cơ bản  ☑ Kiến thức chuyên ngành  ☐ Môn học chuyên về kỹ năng | ☐ Kiến thức cơ sở ngành  ☐ Kiến thức khác  ☐ Môn học đồ án/ luận văn tốt nghiệp |
| * Số tín chỉ: | 1 tín chỉ (0 lý thuyết + 1 thực hành) |
| + Số lý thuyết/ số buổi: | 0 tiết lý thuyết (0 buổi) |
| + Số giờ tự học | 00 giờ |
| + Số tiết thực hành/ số buổi: | 60 tiết thực hành (2 tuần) |
| * Môn học tiên quyết: | Không |
| * Môn học song hành: | Không |

* 1. **Mô tả môn học:**

Môn học này thuộc phần kiến thức chuyên ngành. Giúp cho người học hiểu và vận dụng được chức năng, nhiệm vụ của người Hộ sinh trong cộng đồng; vận dụng được qui trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho cá nhân tại gia đình và cộng đồng, biết được cách ghi chép và quản lý hồ sơ sức khỏe tại trạm y tế.

* 1. **Nguồn học liệu**

***Giáo trình:***

[1] Bộ Y Tế (1995). *Y tế cộng đồng*. Nhà xuất bản Y học.

[2] Bộ Y Tế (1998). *Sổ tay điều dưỡng cộng đồng và gia đình*. NXB Y học.

[3] Bộ Y tế (2000). *Chăm sóc điều dưỡng cộng đồng – chương trình nâng cao năng lực điều dưỡng*. Nhà xuất bản Y học.

***Tài liệu khác:***

[1] Bộ Y tế (2016). *Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.* Hà Nội.

[2] Bộ Y tế (2014). *Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam.*

* 1. **Mục tiêu môn học**

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| MT1 | Thưc hành chăm sóc sức khoẻ trong cộng đồng dựa trên chức năng, nhiệm vụ người hộ sinh trong chăm sóc sức khoẻ cộng đồng. | C1, C9, C10 |
| MT2 | Vận dụng quy trình điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe trong cộng đồng để lập kế hoạch chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng. | C1, C9, C10 |
| MT3 | Áp dụng qui trình chăm sóc trong cộng đồng dựa trên chứng cứ để nhận định, lập kế hoạch cho cá nhân, gia đình và cộng đồng nhằm đảm bảo thực hành an toàn, đáp ứng vấn đề ưu tiên và nâng cao chất lượng cuộc sống. | C1, C7, C9, C10 |
| MT4 | Phân tích được thực trạng cơ cấu, tổ chức và nhiệm vụ của y tế cơ sở (Trạm y tế) tại địa điểm thực hành | C6 |
| MT5 | Lập kế hoạch, thực hiện truyền thông – giáo dục sức khỏe tại cộng đồng | C3,C4 |
| MT6 | * Sử dụng hiệu quả nguyên tắc giáo dục sức khỏe, kỹ năng giao tiếp trong việc xây dựng mối quan hệ với người dân tại địa phương   - Phối hợp và cộng tác với nhân viên y tế và các tổ chức trong cộng đồng trong việc lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các chương trình sức khỏe | C3, C4, C9, C10 |
| MT7 | Ứng dụng các qui định về đạo đức, pháp lý, văn hóa trong chăm sóc sức khỏe ở cộng đồng. | C9, C10 |

* 1. **Đánh giá môn học**

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **MT môn học** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| A1. Đánh giá thường xuyên | Thái độ học tập, chuyên cần, kỹ năng giao tiếp | MT 1-3 | 10 %  20% |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | Bài báo cáo giáo dục sức khỏe | MT2, MT4 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | Báo cáo kết quả thực hành cộng đồng | MT 1 -5 | 70 % |

* 1. **Nội dung giảng dạy**

| **Nội dung** | **Số tiết** | | **Mục tiêu** | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **BV** | **Tự học** |
| Đón tiếp, nhận định tình trạng hiện tại của người bệnh đến khám tại trạm y tế | 10 |  | MT3, MT4 | A1 |
| Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng dân cư | 10 |  | MT2,3 | A2 |
| * Tư vấn giáo dục sức khỏe cho cộng đồng | 10 |  | MT3,4 | A3 |
| * Thăm hộ gia đình (nếu có). | 5 |  | MT4,5 | A3 |
| * Thực hiện các kỹ thuật vô khuẩn, phòng chống nhiễm khuẩn tại trạm y tế: Xử lý chất thải, thực hiện cách ly, phòng chống nhiễm khuẩn | 5 |  | MT3,4 | A1 |
| Thực hiện các kỹ thuật đáp ứng nhu cầu cơ bản của người bệnh: Đo và nhận định dấu sinh hiệu, hướng dẫn vệ sinh cá nhân cho người bệnh | 5 |  | MT3,4 | A1 |
| Tham gia các phong trào y tế tại cộng đồng: truyền thông giáo dục sức khỏe, dinh dưỡng. | 10 |  | MT3-7 | A3 |
| Thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ điều trị: tiêm thuốc, phát thuốc, thay băng vết thương, lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm. | 5 |  | MT3,4 | A1 |
| **Tổng cộng** | **60** |  |  |  |

* 1. **Quy định của môn học**

Ngoài Qui chế 456/QĐ - ĐHYD và quyết định số 5152/QĐ - ĐHYD, sinh viên phải:

* Đi học đầy đủ và đúng giờ. Đến trễ 45 phút xem như vắng mặt 1 buổi.
* Sinh viên phải dự đủ 100% thời gian thực tập.
* Những trường hợp đặc biệt: ốm, tang (ông bà nội ngoại, ba mẹ, anh chị em ruột, đám cưới bản thân) áp dụng như sau:
* Vắng ≤ 10% thời gian thực tập: trừ 1 điểm trong tổng điểm.
* Vắng > 10% đến ≤ 20% thời gian thực tập: trừ 2 điểm trong tổng điểm.
* Vắng không có lý do hoặc vắng > 20% thời gian thực tập: 0 điểm môn học và phải học lại môn học.
* Phải dự đủ các bài kiểm tra và bài thi cuối môn.
* Sinh viên phải tuân thủ nội quy THBV của bộ môn và bệnh viện.

**Điểm tổng kết môn học =** ((điểm (A1, A2)\* 30% +A3\* 70%)

Trong đó:

* A1: Điểm đánh giá thái độ học tập, tác phong, kỹ năng giao tiếp, ý thức tiết kiệm, an toàn lao động và kiểm soát nhiễm khuẩn.
* A2: Điểm đánh giá kiến thức lâm sàng (kế hoạch chăm sóc, bài thu hoạch, tiểu luận, bài kiểm tra (tùy vào điều kiện của mỗi khoa thực tập, giáo viên hướng dẫn sẽ quyết định chọn hình thức nào).
* A3: Điểm đánh giá kỹ năng thực hành. Nếu A3< 4 phải thi lại

**7.Phụ trách môn học**

* Khoa/ Bộ môn: Hộ sinh, Khoa Điều Dưỡng kỹ thuật y học.
* Địa chỉ liên hệ: 201 Nguyễn Chí Thanh, Q5 hoặc BM Hộ sinh lầu 3 khu KTX BV Từ Dũ.
* Điện thoại liên hệ: 02835000475